TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BẾN TRE** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 10/7/2018
V/v " Hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE, TỈNH BẾN TRE.

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thanh Lan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Bé Em

2. Bà Dương Thị Thanh Thúy

***Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà*:** ông Phạm Đình Thảo- Cán bộ Toà án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre: Bà Lữ Ngọc Thiên An – kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình đã thụ lý số: 25/2018/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 01 năm 2018 về việc " xin ly hôn " theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2018/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn**:** chị Mai Thị Thanh H, sinh năm 1985 (có mặt)

Địa chỉ: đường Nguyễn Huệ, phường 1, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

2.Bị đơn: Anh Nguyễn Dương T , sinh năm 1978,(vắng mặt)

Địa chỉ: số B, ấp 2, xã P, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

NHẬN THẤY:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 5/1/2018, bản tự hai và lời khai tại phiên tòa nguyên đơn chị Mai Thị Thanh H trình bày:

Chị và anh Nguyễn Dương Tkết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND Xã M, thành phố B, tỉnh Bến Tre vào năm 2011. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian đầu nhưng sau đó thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm thường hay cải vã nhau, từ năm 2016 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn gây gắt, anh T nhiều lần ghen tuôn đánh đập chị, có lần đánh trước mặt mẹ ruột chị, tình tình cố chấp gia trưởng độc tài. Chị H đã nhiều lần khuyên nhủ anh T nhưng anh vẫn không thay đổi vào năm 2017 chị cũng đã một lần nộp đơn ly hôn nhưng sau đó chị rút đơn để anh T thay đổi tình tình, hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng từ thời điểm đó đến nay anh T vẫn không thay đổi.Cuộc sống hôn nhân hiện nay không còn hạnh phúc,chị và anh T đã sống ly thân với nhau,

chị H xác định không còn tình cảm với anh T nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Nguyễn Dương T

Quá trình chung sống chị và anh Tcó 2 con chung là Nguyễn Mai Gia P sinh ngày 03/12/2011và Nguyễn Mai Gia P1, sinh này 03/12/2011 hiện đang do chị trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, chị H yêu cầu được tiếp tục chăm sóc giáo dục hai con.

Về cấp dưỡng: Từ khi phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng chị không còn có thể thương lượng hay bàn bạc việc gì trong gia đình, thỉnh thoảng anh T có ghé nhà thăm hai con và có đóng tiền học hàng tháng cho con nên việc việc cấp dưỡng nuôi con chị không yêu cầu anh Tphải cấp dưỡng hàng tháng là bao nhiêu, chị để anh T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con theo khả năng.

Tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Nợ chung: không có.

Ngoài những yêu cầu trên chị H không có yêu cầu gì khác.

Anh Nguyễn Dương T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ theo qui định nhưng anh đã vắng mặt không có lý do.Do đó, Tòa án không thể lấy được ý kiến của anh T.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân phát biểu quan điểm:

- *Ý kiến về việc tuân thủ pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng*: về cơ bản vụ án đã được tiến hành đúng theo trình tự pháp luật qui định đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các bên đương sự.

- *Ý kiến về việc giải quyết vụ án:* chị Mai Thị Thanh H và anh Nguyễn Dương T đã chung sống với nhau từ năm 2011 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã M nên được xem là hôn nhân hợp pháp, do mâu thuẫn trong quan hệ vợ chồng,chị H xác định không còn tình cảm với anh T nên yêu cầu giải quyết ly hôn, đề nghị của chị H là không trái với qui định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của chị H.

XÉT THẤY:

[1]*Về quan hệ tranh chấp*: chị Mai Thị Thanh H và anh Nguyễn Dương T kết hôn tại UBND xã M, thành phố B, tỉnh Bến Tre vào năm 2011 nên được xem là hôn nhân hợp pháp.Quá trình chung sống do hai bên bất đồng quan điểm nên phát sinh mâu thuẫn.Chị H khởi kiện yêu cầu được ly hôn anh Nguyễn Dương T, yêu cầu của chị Hđược Tòa án xem xét giải quyết theo quy định tại Điều 51 Luật hôn nhân gia đình.

[2]*Về tố tụng:*anh Nguyễn Dương T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng anh T vắng mặt không có lý do. Tòa án không thể tiến hành hòa giải theo qui định tại Điều 54 Luật hôn nhân gia đình, căn cứ điểm b, khoản 2,Điều 227 Bộ luật tố tụng Dân Sự,Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T.

[3]*Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Mai Thị Thanh H đối với anh Nguyễn Dương T.*

[3.1] *Về quan hệ hôn nhân*: Tại phiên tòa chị H vẫn giữ yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Dương T , chị H trình bày chị yêu cầu được ly hôn với anh T là do mâu thuẫn vợ chồng gây gắt trong thời gian dài,vợ chồng không thể hòa hợp anh T

thường xuyên ghen tương và hay đánh chị. Chị H đã nhiều lần bỏ qua nhưng anh T không thay đổi từ đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, hiện tại anh chị đã sống ly thân, chị H không còn tình cảm với anh T.Hội đồng xét xử xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh T đã xảy ra mâu thuẫn trầm trọng trong đời sống vợ chồng, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống,anh,chị không còn yêu thương,quan tâm, chăm sóc nhau, mục đích hôn nhân không thể đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

[3.2] *Về con chung*: chị H và anh Tcó 2 con chung tên là Nguyễn Mai Gia P sinh ngày 03/12/2011và Nguyễn Mai Gia P1, sinh này 03/12/2011 các cháu hiện đang do chị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Hội đồng xét thấy, việc giao con cho ai nuôi cần phải xem xét mọi mặt và quyền lợi, nguyện vọng của các con chưa thành niên.Xét thấy anh T làm nghề tiếp thị công việc thường xuyên ở bên ngoài việc chăm sóc hai cháu là do chị H chăm sóc, hiện tại hai cháu đang sống với chị H điều kiện sinh hoạt và học tập là ổn định, mặt khác anh Tcũng không có ý kiến gì về yêu cầu được nuôi con chung, Căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân gia đình con chung Nguyễn Mai Gia P và Nguyễn Mai Gia P1 tiếp tục do chị H chăm sóc giáo dục là phù hợp điều kiện học tập sinh hoạt của hai cháu.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: ghi nhận chị H không yêu cầu anh T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng chi phí nuôi con.

[3.3] *Tài sản chung,nợ chung*: chị H khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên hội đồng xét xử không xét đến.

[4.] *Án phí hôn nhân sơ thẩm*: Ghi nhận chị Htự nguyện chịu Tbộ án phí hôn nhân sơ thẩm.

Do anh Nguyễn Dương T vắng mặt tại phiên tòa nên không thể đối chất với lời trình bày của chị H, anh T phải chịu mọi hậu quả pháp lý của việc vắng mặt.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51,54. khoản 1 Điều 56, Điều 81,82,83,84 Luật hôn nhân gia đình 2014;

Căn cứ khoản 5, Điều 27 Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Cụ thể tuyên :

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Mai Thị Thanh H đối với anh Nguyễn Dương T .Chị H được ly hôn với anh T.

2. Về con chung : Chị Mai Thị Thanh H tiếp tục chăm sóc giáo dục con chung Nguyễn Mai Gia P sinh ngày 03/12/2011và Nguyễn Mai Gia P1, sinh này 03/12/2011 cho đến khi trưởng thành hoặc đến khi chị H và anh Tcó yêu cầu khác.

Về chi phí cấp dưỡng nuôi con chung: ghi nhận chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng.

Anh T có quyền tới thăm,chăm sóc, giáo dục con chung, không ai có quyền ngăn cản.Vì lợi ích của con chung sau này, khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Tài sản chung, nợ chung: không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

4. Án phí hôn nhân sơ thẩm: Ghi nhận chị Mai Thị Thanh H tự nguyện nộp số tiền án phí 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0014136 ngày 17/1/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Bến Tre, chị H đã nộp xong.

5. Chị H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. anh Nguyễn Dương T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND TP Bến Tre;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS TP Bến Tre;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Thanh Lan